

HOÀN THIÊN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THU THẬP, ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG CHỨNG CỨ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

TS. HOÀNG THỊ MINH SON *

Trong tố tụng hình sự, chứng cứ là một trong những vấn đề quan trọng vừa mang tính lí luận phức tạp, vừa mang tính thực tiễn cao. Chứng cứ là phương tiện để cơ quan điều tra, viện kiểm sát và Toà án xác định sự thật khách quan của vụ án, “*chứng cứ là phương tiện để xác định chân lí, chứng cứ không tạo ra chân lí, không biến chân lí thành phi lí hay ngược lại, bởi vì chân lí hay phi lí là ở chỗ sự việc có phù hợp với thực tế khách quan hay không*”.⁽¹⁾ Quá trình giải quyết vụ án hình sự phải trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, tuy nhiên ở giai đoạn nào thì các chủ thể cũng phải sử dụng những phương tiện để làm sáng tỏ bốn vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án được quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự là: 1) Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; 2) Ai là người thực hiện hành vi phạm tội; có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý; có năng lực trách nhiệm hình sự hay không; mục đích, động cơ phạm tội; 3) Những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân bị can, bị cáo; 4) Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Để làm sáng tỏ những vấn đề trên, cơ quan tiến hành tố tụng phải tiến hành thu thập, kiểm tra và đánh giá chứng cứ.

1. Thu thập chứng cứ

Thu thập chứng cứ là giai đoạn đầu của quá trình chứng minh vụ án hình sự. Kết quả của hoạt động thu thập chứng cứ có ý nghĩa quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giải quyết vụ án hình sự. Có thể nói số lượng và chất lượng chứng cứ đã thu thập được đều có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác điều tra, truy tố, xét xử. Do vậy, hoạt động này cần phải được tiến hành một cách khách quan, thận trọng và tỉ mỉ trên cơ sở những quy định của BLTTHS và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Thu thập chứng cứ là việc cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp và phương pháp theo quy định của pháp luật để phát hiện, ghi nhận, thu giữ và bảo quản những thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan đến vụ án phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Như vậy, quá trình thu thập chứng cứ bao gồm các hành vi phát hiện, lập biên bản ghi nhận, thu giữ và bảo quản chứng cứ.

Phát hiện chứng cứ là tìm ra những dấu vết, những thông tin, đồ vật, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ án hay nói cách khác là tìm ra những nguồn lưu giữ thông tin về vụ án đã xảy ra như các dấu vết để lại

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

hiện trường nơi xảy ra tội phạm, nơi phát hiện tội phạm hay những người biết về các tình tiết liên quan đến vụ án. Hoạt động phát hiện chứng cứ có vai trò quan trọng giúp cho việc thu thập chứng cứ được tiến hành kịp thời và việc giải quyết vụ án được nhanh chóng. Do chứng cứ được tồn tại dưới hai hình thức là trong môi trường vật chất và trong ý thức của con người nên việc phát hiện chứng cứ (hiện trường, con người cụ thể, vật chứng...) cũng rất phức tạp, đòi hỏi các chủ thể có trách nhiệm cần phải sử dụng các phương pháp, biện pháp phù hợp với quy luật hình thành của từng loại chứng cứ cần phát hiện.

Ghi nhận chứng cứ là việc lập biên bản mô tả, ghi chép những thông tin, tài liệu, đồ vật từ các đối tượng phản ánh về vụ án. Hoạt động thu thập chứng cứ thường được ghi nhận dưới hình thức biên bản tố tụng theo quy định tại Điều 95 BLTTHS. Theo ThS. Nguyễn Văn Cừ, nếu đối tượng phản ánh về vụ án là các vật thì mô tả các đặc điểm, dấu hiệu, dấu vết có liên quan đến diễn biến của vụ án hình sự. Nếu đối tượng phản ánh là người thì hoạt động ghi nhận được tiến hành bằng cách yêu cầu họ trình bày những tình tiết mà họ biết về vụ án⁽²⁾ như biên bản lấy lời khai của người làm chứng, biên bản lấy lời khai của người bị hại... Ngoài hình thức ghi nhận trên, chứng cứ còn có thể được ghi nhận bằng hình thức khác như ghi âm, chụp ảnh, vẽ sơ đồ, bản kết luận giám định.

Thu giữ và bảo quản chứng cứ: Khi tiến hành khám xét, điều tra viên được tạm giữ đồ vật là vật chứng và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án. Đối với đồ vật cấm tàng trữ, lưu

hành thì phải thu giữ và chuyển ngay cho cơ quan quản lý có thẩm quyền.⁽³⁾ Như vậy, thu giữ chứng cứ được áp dụng khi chứng cứ thể hiện dưới dạng là vật. Việc thu giữ chứng cứ thường được tiến hành khi cần phải thu giữ thì mới đảm bảo tính nguyên vẹn của thông tin nhằm đảm bảo cho việc đánh giá và sử dụng chứng cứ được chính xác.

Chứng cứ phải được bảo quản ngay từ khi thu thập theo quy định của BLTTHS, không để mất mát, lẫn lộn và hư hỏng. Mục đích của việc bảo quản chứng cứ trước hết là bảo vệ giá trị chứng minh của chứng cứ không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ giá trị vật chất hay giá trị kinh tế, nếu chỉ quan tâm đến việc bảo quản chứng cứ theo kiểu bảo quản tài sản thì sẽ không đáp ứng được yêu cầu chứng minh vụ án hình sự. Sức mạnh của chứng cứ thể hiện ở giá trị chứng minh. Bản thân giá trị kinh tế của nó cũng là biểu hiện ở một khía cạnh của giá trị chứng minh.⁽⁴⁾ Chứng cứ ghi nhận trong các biên bản tố tụng được bảo quản lưu giữ trong hồ sơ vụ án còn đối với vật chứng thì phải được bảo quản theo quy định tại khoản 2 Điều 65 BLTTHS.

Theo quy định tại Điều 65 BLTTHS thì: *“Để thu thập chứng cứ, cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án có quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định, tiến hành khám xét, khám nghiệm và các hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, trình bày tình tiết làm sáng tỏ vụ án.*

Những người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức hoặc bất kỳ cá nhân nào đều có thể

đưa ra tài liệu, đồ vật và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án”.

Hoạt động thu thập chứng cứ thực chất là việc cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện những thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan đến những vấn đề cần phải chứng minh được quy định tại Điều 63 BLTTHS và những vấn đề khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự đồng thời tiến hành thu giữ và bảo quản chứng cứ tức là bảo vệ giá trị chứng minh của nó nhằm phục vụ cho việc chứng minh và giải quyết vụ án. Theo quy định trên thì cơ quan tiến hành tố tụng có thể thu thập chứng cứ dưới hai hình thức khác nhau. Hình thức chủ động là việc cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án triệu tập những người biết về vụ án như bị can, bị cáo, người làm chứng, người bị hại... để hỏi và nghe họ trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án, trung cầu giám định... Hình thức thụ động là việc những người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức... tự mình đưa ra đồ vật, tài liệu và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án và cơ quan có thẩm quyền ghi nhận.⁽⁵⁾ Việc thu thập chứng cứ bằng cả hai hình thức trên đều có giá trị chứng minh như nhau, tuy nhiên việc thu thập dưới hình thức nào cũng cần phải được thể hiện bằng văn bản và đưa vào hồ sơ vụ án.

Tuỳ theo từng giai đoạn tố tụng mà cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ khác nhau theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự, BLTTHS không quy định rõ cơ quan có thẩm quyền được áp dụng các biện pháp nào để thu thập chứng cứ nhưng để xác định dấu hiệu của tội phạm và quyết định

việc khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, công dân cung cấp những tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết có liên quan đến việc xác minh, làm rõ tin báo về tội phạm như lấy lời khai của những người biết về sự việc, tiến hành khám nghiệm hiện trường, tiến hành các hoạt động khám xét trong trường hợp không thể trì hoãn được...

Giai đoạn điều tra vụ án hình sự, là giai đoạn có vai trò quan trọng trong việc thu thập chứng cứ. Trong giai đoạn này, cơ quan điều tra thường áp dụng các biện pháp sau để thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết vụ án: Triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án như tiến hành các hoạt động triệu tập và hỏi cung bị can, triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, triệu tập và lấy lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; tiến hành khám xét, khám nghiệm như khám người, khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm; khám nghiệm hiện trường; khám nghiệm tử thi; xem xét dấu vết trên thân thể; tiến hành các hoạt động điều tra khác theo quy định của pháp luật như đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra; trung cầu giám định; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.

Ngoài những biện pháp thu thập chứng cứ trên thì những người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức hoặc bất kì cá nhân nào cũng đều có thể đưa ra tài liệu, đồ vật và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án.

Trong giai đoạn truy tố, viện kiểm sát tiến hành thu thập chứng cứ để làm sáng tỏ những vấn đề cần phải chứng minh mà cơ quan điều tra chưa làm rõ trong một số trường hợp bằng các biện pháp như: Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án theo quy định tại Điều 65 BLTTHS; đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu cơ quan điều tra tiến hành điều tra nhằm làm rõ các vấn đề phục vụ cho việc truy cứu hay không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can;⁽⁶⁾ trong trường hợp cần thiết, viện kiểm sát có quyền tiến hành một số hoạt động điều tra...⁽⁷⁾

Trong giai đoạn xét xử, toà án thường dựa vào các chứng cứ được thu thập ở giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố. Tuy nhiên, trong giai đoạn này toà án cũng có quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án; những người tham gia tố tụng, cơ quan, tổ chức hoặc bất kì cá nhân nào cũng đều có thể đưa ra tài liệu, đồ vật và trình bày những vấn đề có liên quan đến vụ án. Trường hợp khi nghiên cứu hồ sơ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mà thẩm phán thấy cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng⁽⁸⁾ đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên toà được thì thẩm phán ra quyết định trả hồ sơ cho viện kiểm sát để điều tra bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 179 BLTTHS.

BLTTHS không có điều luật quy định riêng về chủ thể có thẩm quyền thu thập chứng cứ nhưng trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 65 BLTTHS cho thấy thẩm quyền thu thập chứng cứ thuộc về cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án mà cụ thể là

những người được giao nhiệm vụ hay được phân công giải quyết vụ án như điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm.

Trong thực tế thì những người được giao nhiệm vụ trong các cơ quan khác không phải là cơ quan tiến hành tố tụng mà chỉ là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng được quyền tiến hành thu thập chứng cứ nhưng không được quy định trong Điều 65 BLTTHS.

Đối với người bào chữa cũng được quyền thu thập chứng cứ nhưng chỉ giới hạn trong phạm vi nhất định. Họ không được quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng như điều tra viên, kiểm sát viên hay hội đồng xét xử. Điểm d khoản 2 Điều 58 BLTTHS quy định người bào chữa có quyền thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng tùy theo mỗi giai đoạn tố tụng, khi thu thập được các tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án thì người bào chữa có trách nhiệm giao cho cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án. Việc giao nhận các tài liệu, đồ vật đó giữa người bào chữa và cơ quan tiến hành tố tụng phải được lập thành biên bản theo quy định tại Điều 95 BLTTHS.

2. Đánh giá và sử dụng chứng cứ

Để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án phải làm rõ sự việc phạm tội và người thực hiện hành vi phạm tội... Tuy nhiên, để làm rõ

những vấn đề trên thì cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa vào chứng cứ. Xét về bản chất, chứng cứ là những thông tin, tài liệu được cơ quan tiến hành tố tụng thu thập, kiểm tra và đánh giá theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ cho việc giải quyết vụ án. Theo khoản 1 Điều 64 BLTTHS thì: “*Chứng cứ là những gì có thật được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định mà cơ quan điều tra, viện kiểm sát và toà án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án*”.

Như vậy, có thể khẳng định rằng thông tin, tài liệu... chỉ có thể được coi là chứng cứ của vụ án khi nó có đủ ba thuộc tính sau: *Thứ nhất*, những thông tin, tài liệu... đó phải có thật, tức là nó phải phản ánh trung thực những tình tiết của vụ án đã xảy ra (tính khách quan); *Thứ hai*, những thông tin, tài liệu... này phải là cơ sở để xác định sự tồn tại hay không tồn tại của những vấn đề cần phải chứng minh được quy định tại Điều 63 BLTTHS và những vấn đề khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự (tính liên quan); *Thứ ba*, những thông tin, tài liệu... này phải được thu thập, kiểm tra và đánh giá theo quy định của BLTTHS và phải được xác định bằng nguồn chứng cứ quy định tại khoản 2 Điều 64 BLTTHS (tính hợp pháp).

Muốn biết được diễn biến của hành vi phạm tội đã xảy ra như thế nào, cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa vào sự phân tích, nghiên cứu, đánh giá đúng đắn những thông tin, tài liệu... đã thu được. Từ những thông tin, tài liệu... đã thu được (những tình tiết đã

biết) cơ quan tiến hành tố tụng có thể kết luận về sự tồn tại của những tình tiết cần biết nhưng chưa biết về vụ án. Khoản 2 Điều 66 BLTTHS quy định: “*Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm xác định và đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm, sau khi nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án*”.

Như vậy, đánh giá chứng cứ là giai đoạn cuối cùng của quá trình chứng minh nhằm rút ra kết luận về vụ án trên cơ sở những thông tin, đồ vật, tài liệu đã thu thập được trong quá trình tố tụng. Việc đánh giá chứng cứ có ảnh hưởng đến chất lượng sử dụng chứng cứ làm cơ sở cho việc nhận định và đưa ra quyết định trong việc giải quyết vụ án.

Sự khác nhau của việc ra các quyết định đó không được hiểu là cơ sở pháp lí của nó mà chính là kết quả pháp lí của quá trình nghiên cứu, đánh giá và sử dụng chứng cứ. Những người tiến hành tố tụng cần phải quán triệt đúng đắn tinh thần đó trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Nếu không nhận thức đúng về vấn đề này có thể sẽ dẫn đến việc thừa nhận sự tồn tại các loại chân lí khác nhau ở các giai đoạn TTHS.⁽⁹⁾

BLTTHS không trực tiếp quy định về việc sử dụng chứng cứ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, tùy theo từng giai đoạn tố tụng mà điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm... phải căn cứ vào đặc điểm của từng nguồn chứng cứ mà quyết định việc sử dụng cho phù hợp với vụ án đang giải quyết như không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị

đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày, nếu họ không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó; lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu nó phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án; không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội.

Trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự chủ thể chứng minh (sử dụng chứng cứ) là cơ quan điều tra, đơn vị bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển, các cơ quan khác của công an nhân dân, quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 111 BLTTHS; viện kiểm sát và hội đồng xét xử cũng là những chủ thể sử dụng chứng cứ trong những trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 104 BLTTHS. Các chủ thể sử dụng chứng cứ trong giai đoạn này nhằm xác định dấu hiệu của tội phạm để quyết định việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự chủ thể chứng minh (sử dụng chứng cứ) trước hết thuộc về cơ quan điều tra mà trực tiếp là điều tra viên. Việc sử dụng chứng cứ trong giai đoạn này nhằm ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định việc đình chỉ điều tra. Ngoài ra, chủ thể chứng minh trong giai đoạn điều tra còn là đơn vị bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển, các cơ quan khác của công an nhân dân, quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động

điều tra theo quy định tại Điều 111 BLTTHS. Trong giai đoạn này viện kiểm sát mà trực tiếp là kiểm sát viên sử dụng chứng cứ nhằm thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra theo quy định tại Điều 112 BLTTHS.

Trong giai đoạn truy tố, viện kiểm sát (kiểm sát viên) sử dụng chứng cứ để ra một trong các quyết định: Truy tố bị can trước toà án bằng bản cáo trạng; trả hồ sơ để điều tra bổ sung; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Cụ thể là sử dụng chứng cứ để làm rõ thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, hậu quả của tội phạm và những tình tiết quan trọng khác; những chứng cứ xác định tội trạng của bị can, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị can và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.⁽¹⁰⁾

Trong giai đoạn xét xử, thẩm phán được phân công chủ tọa phiên toà là chủ thể chứng minh trong giai đoạn chuẩn bị xét xử (sử dụng chứng cứ) để ra một trong các quyết định: Đưa vụ án ra xét xử; trả hồ sơ để điều tra bổ sung; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án. Trường hợp quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán còn sử dụng chứng cứ để lập kế hoạch xét hỏi tại phiên toà. Tại phiên toà, hội đồng xét xử mà trực tiếp là thẩm phán và hội thẩm (các thành viên của hội đồng xét xử) sử dụng chứng cứ để xét hỏi tại phiên toà nhằm làm rõ những vấn đề thuộc về đối tượng chứng minh trong vụ án. Kiểm sát viên sử dụng chứng cứ để xác định rõ những tình tiết liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội bị cáo để trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội

bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn hoặc rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội. Khi nghị án, hội đồng xét xử sử dụng chứng cứ để ra bản án xác định việc bị cáo có phạm tội hay không và nếu bị cáo phạm tội thì phạm tội gì, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, loại hình phạt, mức hình phạt, các biện pháp tư pháp về hình sự, về dân sự...

Ngoài những chủ thể trên, trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự cũng đánh giá và sử dụng chứng cứ để phục vụ cho việc bảo vệ thân chủ của mình. Tại phiên toà, khi tranh luận những người tham gia tố tụng khác như bị cáo, người bị hại... cũng đánh giá chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

3. Kết luận

Hoạt động thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ có vai trò quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án hình sự để cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hoạt động này được tiến hành bởi các chủ thể khác nhau với những biện pháp khác nhau tùy theo từng giai đoạn tố tụng. Về cơ bản chứng cứ do điều tra viên thu thập ở giai đoạn điều tra. Trong thời hạn điều tra, điều tra viên ngoài việc sử dụng những biện pháp điều tra do BLTTHS quy định họ còn sử dụng các phương tiện kỹ thuật hình sự và chiến thuật hình sự để thu thập chứng cứ. Việc này không được quy định trong BLTTHS nhưng phải phù hợp với quy định của BLTTHS.

Trong giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử hoạt động thu thập chứng cứ chỉ mang tính bổ sung. Trong giai đoạn điều tra và giai đoạn truy tố việc đánh giá và sử dụng chứng cứ được tiến hành một cách độc lập bởi các chủ thể. Trong giai đoạn xét xử, mà chủ yếu là tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ đã thu thập được trong giai đoạn điều tra, chứng cứ đã được bổ sung trước khi mở phiên toà cũng như tại phiên toà thông qua việc xét hỏi và tranh luận, hội đồng xét xử trên cơ sở đề nghị của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tiến hành nghị án, thảo luận và biểu quyết theo đa số từng vấn đề để đưa ra phán quyết cuối cùng nhằm giải quyết vụ án.

Trên cơ sở phân tích những quy định về thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong tố tụng hình sự chúng tôi cho rằng cần bổ sung một số điểm sau vào Chương V BLTTHS năm 2003.

Thứ nhất, sửa Điều 63 thành 2 khoản. bổ sung thêm điểm 5 Điều 63 BLTTHS cụ thể như sau:

Điều 63. Những vấn đề cần phải chứng minh và giới hạn chứng minh

1. Khi điều tra, truy tố và xét xử các vụ án hình sự cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án phải chứng minh:

- a. Giữ nguyên như điểm 1;
- b. Giữ nguyên như điểm 2;
- c. Giữ nguyên như điểm 3;
- d. Giữ nguyên như điểm 4;
- e. Các tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án.

2. Việc xác định các chứng cứ thu được

phải đảm bảo đủ để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự.

Thứ hai, bổ sung Điều 65 BLTTHS

Điều 65. Thu thập chứng cứ

1. Để thu thập chứng cứ, cơ quan điều tra, viện kiểm sát, toà án và những người thuộc đơn vị bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển, các cơ quan khác của công an nhân dân, quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 111 BLTTHS có quyền triệu tập những người biết về vụ án để hỏi và nghe họ trình bày những vấn đề liên quan đến vụ án, trung cầu giám định, tiến hành khám xét, khám nghiệm và các hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, trình bày những tình tiết làm sáng tỏ vụ án.

2. Giữ nguyên.

Thứ ba, bổ sung thêm một điều quy định việc sử dụng chứng cứ.

Điều 65a. Kiểm tra và sử dụng chứng cứ

1. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, hội thẩm và những người thuộc đơn vị bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển, các cơ quan khác của công an nhân dân, quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 111 BLTTHS có trách nhiệm áp dụng biện pháp phù hợp để kiểm tra chứng cứ của vụ án trước khi quyết định sử dụng.

2. Việc sử dụng chứng cứ phải được tiến hành một cách khách quan và nhằm làm rõ những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án.

Thứ tư, sửa đổi, bổ sung Điều 66 BLTTHS cụ thể là chuyển đoạn 2 khoản 1 Điều 66 “Việc xác định các chứng cứ thu được phải đảm bảo đủ để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự” thành khoản 2 Điều 63 và bổ sung thêm một chủ thể có quyền đánh giá chứng cứ. Cụ thể là:

Điều 66. Đánh giá chứng cứ

1. Mỗi chứng cứ phải được đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và mối liên quan đến vụ án.

2. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm, những người thuộc đơn vị bộ đội biên phòng, cơ quan hải quan, kiểm lâm, lực lượng cảnh sát biển, các cơ quan khác của công an nhân dân, quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 111 BLTTHS xác định và đánh giá mọi chứng cứ với đầy đủ tinh thần trách nhiệm, sau khi nghiên cứu một cách tổng hợp, khách quan, toàn diện và đầy đủ tất cả các tình tiết của vụ án./.

(1).Xem: *Giáo trình triết học* (dùng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học không thuộc chuyên ngành triết học), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 85.

(2),(4).Xem: ThS. Nguyễn Văn Cừ, “*Chứng cứ trong luật TTHS Việt Nam*”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr. 170, 180.

(3).Xem: Điều 145 BLTTHS.

(5).Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, “*Giáo trình luật tố tụng hình sự*”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006, tr.175.

(6), (7).Xem: Khoản 2 Điều 112 BLTTHS.

(8). Bộ luật tố tụng hình sự không quy định thế nào là chứng cứ quan trọng đối với vụ án. Do vậy, trong thực tiễn còn chưa có cách hiểu thống nhất về vấn đề này.

(9).Xem: ThS. Bùi Kiên Điện, “*Đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự*”, Tạp chí luật học, số 6/1997, tr. 15.

(10).Xem: Khoản 1 Điều 167 BLTTHS.